

HOÀN THIỆN THỦ TỤC XÉT XỬ SƠ THẨM VỤ ÁN HÌNH SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

*Nguyễn Thị Thủy**

1. Bản chất và nội dung của thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án hình sự, xét xử sơ thẩm được đánh giá là giai đoạn giữ vị trí trung tâm và có vai trò quan trọng bậc nhất. Vị trí trung tâm và vai trò quan trọng của thủ tục xét xử sơ thẩm (XXST) được thể hiện ở các khía cạnh sau:

- Thứ nhất, XXST vụ án hình sự là một hình thức thực hiện quyền lực nhà nước

Quyền lực nhà nước bao gồm 3 bộ phận chủ yếu hợp thành: quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp. Ngoài ba quyền nêu trên, ở một số quốc gia còn xác định thêm các quyền khác trong cơ cấu quyền lực nhà nước như: quyền giám sát, quyền bầu cử... Như vậy, dù mỗi quốc gia có quan niệm khác nhau về các bộ phận hợp thành quyền lực nhà nước, song quyền tư pháp luôn là một bộ phận không thể thiếu trong cơ cấu quyền lực nhà nước, gắn liền với hoạt động bảo vệ pháp luật.

Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động thực hiện quyền lực nhà nước (ở đây là quyền tư pháp). XXST phải tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung, đồng thời phải tuân thủ những nguyên tắc đặc thù của hoạt động xét xử, tuân thủ các quy trình, thủ tục tố tụng chặt chẽ để trở thành sức mạnh hữu hiệu nhằm thực hiện mục tiêu bảo vệ pháp luật, duy trì công lý. Kết quả thực thi quyền tư pháp ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin của quần chúng nhân dân vào Nhà nước và chế độ xã hội, là thước đo mức độ dân chủ của Nhà

nước, tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật và ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền.

Mối quan hệ giữa quyền tư pháp với các quyền lực khác trong cơ cấu quyền lực nhà nước và sự thể hiện của quyền lực tư pháp đã được nhận xét rất chính xác rằng: "Trong mối quan hệ với quyền lập pháp và quyền hành pháp thì quyền tư pháp chính là một trong những phương thức thực hiện quyền lực nhà nước thông qua hoạt động xét xử của tòa án và hoạt động của các cơ quan nhà nước, hoạt động của các tổ chức khác... Trong đó, hoạt động xét xử của tòa án là biểu hiện tập trung nhất của quyền tư pháp bởi vì tòa án là cơ quan duy nhất - thông qua hoạt động xét xử - nhân danh Nhà nước đưa ra những phán xét cuối cùng mang tính quyền lực nhà nước nhằm bảo đảm sự công bằng và bình đẳng mọi công dân trước pháp luật"¹.

- Thứ hai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự là hoạt động đưa ra kết luận đối với những chứng cứ, nhận định của các giai đoạn tố tụng trước đó (khởi tố, điều tra, truy tố) và trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện vụ án đi đến kết luận về hành vi phạm tội và người thực hiện tội phạm

Về nguyên lý, tòa án không thể tự mình làm phát sinh chức năng xét xử. Chức năng xét xử và các thủ tục tố tụng tại tòa án chỉ phát sinh khi có chủ thể bên ngoài tòa án yêu cầu tòa án giải quyết vụ án, vụ việc. Trong lĩnh vực tố tụng dân sự, chức năng giải quyết vụ án, vụ việc dân sự của tòa án chỉ phát sinh

* Ths. Luật học, Viện Khoa học kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

¹ Xem: TS. Nguyễn Đăng Đình Lục, Cải cách tư pháp - những vấn đề đặt ra, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 4/2003.

khi có yêu cầu của một bên đương sự. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, chức năng giải quyết vụ án hình sự của tòa án chỉ phát sinh khi bên buộc tội truy tố bị can ra trước tòa án, yêu cầu tòa xét xử.

Để bảo đảm cho việc truy tố bị can ra trước tòa và thực hiện việc buộc tội bị can tại tòa án, các quốc gia trên thế giới đều quy định trách nhiệm tìm kiếm chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội và người thực hiện tội phạm thuộc về cơ quan điều tra (CQĐT), viện kiểm sát (VKS). Tuy nhiên, thẩm quyền cụ thể của các chủ thể này trong từng giai đoạn tố tụng có thể khác nhau do sự khác nhau về mô hình tố tụng áp dụng cũng như các đặc điểm cụ thể về truyền thống pháp lý, điều kiện kinh tế xã hội ở mỗi quốc gia. Kết quả lao động của CQĐT, VKS được thể hiện trong hồ sơ vụ án, trong các quyết định tố tụng. Song, xuất phát từ nguyên tắc pháp lý được thừa nhận chung, đó là: không ai bị coi là có tội và phải chịu hình phạt khi chưa có bản án kết tội của tòa án đã có hiệu lực pháp luật, do vậy, mọi nhận định thể hiện trong các tài liệu, quyết định tố tụng của CQĐT, VKS chuyển sang tòa án chưa có giá trị kết luận về hành vi của bị can. Chỉ thông qua hoạt động thẩm tra công khai, tranh tụng dân chủ tại phiên tòa sơ thẩm, tòa án mới ra phán quyết kết luận về mọi vấn đề trong vụ án hình sự; kết luận về tính khách quan, hợp pháp và có căn cứ của các chứng cứ, tài liệu thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố; kết luận về hành vi của bị cáo là có tội hay không có tội, nếu phạm tội thì phạm tội gì, theo điều khoản nào của Bộ luật Hình sự...

- Thứ ba, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đòi hỏi sự hiện diện công khai của các chủ thể đại diện cho các chức năng cơ bản trong tố tụng hình sự nhằm tìm ra chân lý của vụ việc

Phiên tòa sơ thẩm là nơi vụ án lần đầu tiên được đưa ra xét xử công khai trước các bên có liên quan đến vụ án và trước công chúng tham dự phiên tòa. Ở các giai đoạn tố tụng trước đó (khởi tố, điều tra, truy tố), hoạt động tố tụng được tiến hành một cách bán

công khai với đa phần chủ thể tham gia là cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng (cơ quan điều tra, điều tra viên, viện kiểm sát, kiểm sát viên). Trong các giai đoạn tố tụng này, chưa có sự tham dự của tòa án, sự tham gia của bên gỡ tội rất mờ nhạt (mặc dù pháp luật quy định cho người bào chữa được tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ, nhưng ở giai đoạn này chưa có điều kiện thực tế để thực thi đầy đủ và hiệu quả quyền của người bào chữa). Chỉ đến giai đoạn XXST, mà cụ thể là đến phiên tòa sơ thẩm, mới có sự tham dự đầy đủ, đồng thời của các chủ thể đại diện cho các chức năng cơ bản trong tố tụng hình sự (buộc tội, gỡ tội, xét xử) với nhiệm vụ tìm ra chân lý của sự việc.

Phiên tòa sơ thẩm hình sự là nơi các bên thực thi chức năng tố tụng của mình một cách công khai và đầy đủ nhất. Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là người thực hiện chức năng buộc tội. Bị cáo và người bào chữa của họ thực hiện chức năng gỡ tội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo trong điều kiện có sự chứng kiến của công chúng và sự tham gia của tòa án. Và cuối cùng là tòa án, thực hiện chức năng xét xử, kết luận về tính khách quan, hợp pháp và có căn cứ của các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được của CQĐT, VKS và người bào chữa hoặc bị cáo trong quá trình điều tra vụ án, phán quyết về cơ sở của trách nhiệm hình sự, quyết định loại hình phạt, mức hình phạt và biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo... Sự cọ xát giữa các chứng cứ, lập luận do bên buộc tội và bên gỡ tội đưa ra, quá trình tranh tụng dân chủ, công khai, bình đẳng tại phiên tòa sơ thẩm là điều kiện tiên quyết tìm đến chân lý của vụ việc.

2. Thực trạng và những vấn đề đặt ra trong Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 về thủ tục xét xử sơ thẩm

Nghiên cứu thực trạng pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam cho thấy, các quy định về XXST đã góp phần tích cực trong thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của tố tụng hình sự (TTHS), phát huy tác dụng trong thực tiễn

đấu tranh phòng chống tội phạm, góp phần bảo vệ công lý, bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Bên cạnh đó, thủ tục XXST trong Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) năm 2003 đang tồn tại những hạn chế, bất cập, dẫn đến chưa phát huy được vị trí trung tâm và thể hiện đúng vai trò của XXST trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, cụ thể là:

- *BLTTHS năm 2003 còn có những mâu thuẫn khi xử lý các vấn đề thuộc về nguyên tắc cơ bản của xét xử sơ thẩm*

Việc hình thành các nguyên tắc của TTHS không phải là ngẫu nhiên, cũng không phải là ý chí chủ quan của nhà làm luật. Nguyên tắc của TTHS xét cho cùng là sản phẩm phát triển của xã hội và đồng thời là thành tựu của hoạt động tư pháp trong lĩnh vực TTHS. BLTTHS chỉ là hình thức thể hiện, ghi nhận nguyên tắc của TTHS². XXST vụ án hình sự là một giai đoạn của TTHS. Do đó, XXST chịu sự chi phối, điều chỉnh của hệ thống các nguyên tắc cơ bản của TTHS, trong đó trực tiếp nhất là các nguyên tắc sau đây: nguyên tắc xét xử tập thể; nguyên tắc thực hiện chế độ xét xử có hội thẩm nhân dân tham gia; nguyên tắc thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nguyên tắc tranh tụng; nguyên tắc suy đoán vô tội; nguyên tắc xét xử công khai; nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước tòa án. Tuy nhiên, việc BLTTHS năm 2003 chưa thừa nhận tranh tụng với ý nghĩa là một nguyên tắc cơ bản của TTHS; một số quy định cụ thể trong BLTTHS đang mâu thuẫn với nguyên tắc thẩm phán và hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật (Điều 10 và Điều 63 BLTTHS quy định tòa án có trách nhiệm chứng minh tội phạm, có trách nhiệm làm rõ những tình tiết tăng nặng và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; Điều 104 BLTTHS quy định Hội đồng xét xử (HĐXX) có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự), đồng thời, việc

không ghi nhận trong BLTTHS nội dung “*Mọi hoài nghi về lỗi của người bị buộc tội phải được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội*”... lại đang là một hạn chế lớn của Bộ luật. Những hạn chế này đã ảnh hưởng đến mục tiêu quan trọng của TTHS là thúc đẩy các cơ quan, người tiến hành TTHS tìm kiếm sự thật khách quan của vụ án, hạn chế việc bỏ lọt tội phạm, bảo vệ quyền của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, bỏ qua cơ hội để các cơ quan tiến hành tố tụng mà trước hết là CQĐT, VKS phải tự đổi mới để nâng cao hiệu quả hoạt động của mình trước sự đòi hỏi, phản biện tích cực từ bên bào chữa.

- *BLTTHS năm 2003 có những mâu thuẫn khi xử lý vấn đề thuộc về các chức năng cơ bản của TTHS*

Dù áp dụng hệ tố tụng nào thì trong TTHS cũng luôn tồn tại ba chức năng cơ bản: buộc tội - bào chữa - xét xử, trong đó chức năng buộc tội đối lập với chức năng bào chữa, chức năng xét xử phải giữ vai trò trung lập. Các quy định trong BLTTHS 2003 liên quan đến căn cứ tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung; về thẩm quyền của VKS trong việc sửa đổi, rút một phần quyết định truy tố trong thời gian chuẩn bị xét xử; về giới hạn xét xử; về thủ tục xét hỏi tại phiên tòa cũng như vai trò của các chủ thể trong việc tiến hành các thủ tục này... đang thể hiện sự lúng túng của các nhà làm luật trong việc phân định chính xác các chức năng cơ bản của TTHS. Có những thẩm quyền thuộc chức năng buộc tội, nhưng VKS (cơ quan thực hiện chức năng buộc tội) lại không được phép thực hiện, ví dụ: thẩm quyền rút một phần hoặc thay đổi quyết định truy tố trước khi mở phiên tòa. Ngược lại, tòa án - cơ quan thực hiện chức năng xét xử lại được giao những thẩm quyền thuộc chức năng buộc tội, ví dụ: thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự (Điều 104), thẩm quyền xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà VKS đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc xét xử về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà VKS đã truy tố (Điều 196). Những bất cập này của pháp luật thực định đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả

² Xem: GS.TSKH. Đào Trí Úc (chủ biên), Tội phạm học, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 1994, tr. 273-276.

của XXST vụ án hình sự, ảnh hưởng đến quyền bào chữa của bị can, bị cáo và đặc biệt là chưa thực sự phát huy vị trí trung tâm của XXST trong toàn bộ tiến trình TTTHS.

- *BLTTTHS năm 2003 chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng một phiên tòa tranh tụng dân chủ*

Yêu cầu về phát triển dân chủ, bảo vệ quyền con người đang được đặt ra như một yêu cầu tất yếu, khách quan và không thể thiếu trong pháp luật của nhiều nước trên thế giới. Yêu cầu đó không loại trừ lĩnh vực nào, kể cả lĩnh vực tố tụng hình sự. Do vậy, ngay cả những quốc gia được coi là tiêu biểu cho mô hình tố tụng thẩm vấn (Cộng hoà Pháp) cũng đã bổ sung trong pháp luật của nước mình những nội dung của nguyên tắc tranh tụng. Tuy nhiên, mức độ và phạm vi áp dụng nguyên tắc này trong pháp luật tố tụng hình sự ở các nước là khác nhau, phụ thuộc vào quan niệm, truyền thống lập pháp, tổ chức bộ máy, năng lực đội ngũ cán bộ tư pháp, đội ngũ luật sư bào chữa và các điều kiện cụ thể về kinh tế xã hội, trình độ dân trí, v.v.

Với ý nghĩa là một nguyên tắc của tố tụng hình sự, nguyên tắc tranh tụng đòi hỏi một số nội dung sau đây phải được thể hiện:

Một là, khẳng định sự tách bạch giữa các chức năng cơ bản của TTTHS (buộc tội, bào chữa và xét xử). Những chức năng này do các chủ thể khác nhau thực hiện. Không thể có sự chồng lấn trong việc thực hiện các chức năng tố tụng giữa các chủ thể.

Hai là, bảo đảm sự bình đẳng giữa bên buộc tội và bên bào chữa trong việc sử dụng các phương tiện mà pháp luật cho phép nhằm thực hiện đầy đủ chức năng của mình ở các giai đoạn tố tụng, đặc biệt là trong giai đoạn xét xử.

Ba là, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền của người bị buộc tội trong tất cả các giai đoạn tố tụng, nhất là trong giai đoạn xét xử.

Bốn là, đề cao vai trò của người bào chữa trong các giai đoạn tố tụng, kể từ khi CQĐT tiến hành điều tra hoặc có các hoạt động bắt, giam giữ người bị tình nghi.

Năm là, khẳng định nghĩa vụ của tòa án phải tạo mọi điều kiện tốt nhất để các bên tranh tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, phải xem xét vô tư, khách quan mọi chứng cứ và lý lẽ của bên buộc tội cũng như bên bào chữa. Bản án của tòa án chỉ dựa trên cơ sở kết quả tranh tụng dân chủ giữa các bên³.

Tuy nhiên, BLTTTHS năm 2003 được ban hành đã không thừa nhận tranh tụng với ý nghĩa là một nguyên tắc cơ bản của TTTHS; các quy định trong BLTTTHS về trình tự xét hỏi (thẩm phán chủ tọa và hội thẩm hỏi trước), phạm vi xét hỏi (thẩm phán chủ tọa và hội thẩm hỏi tất cả các vấn đề trong vụ án) cho thấy hầu như không có sự đột phá nào trong việc thực hiện chủ trương xây dựng một phiên tòa tranh tụng dân chủ. thẩm phán và hội thẩm được giao quá nhiều nhiệm vụ, quyền hạn, được quyền hỏi trước tiên và hỏi về tất cả các vấn đề liên quan đến vụ án. Quy định này trên thực tế vừa *quá tải* đối với HĐXX, đặt gánh nặng chứng minh lên vai HĐXX, vừa dẫn đến tình trạng HĐXX làm thay nhiệm vụ của cả bên buộc tội và bên bào chữa. Các hoạt động tố tụng do HĐXX tiến hành (cả trên phương diện luật định và trên phương diện thực tiễn xét xử) dường như cho thấy tòa án đang không chỉ thực hiện chức năng xét xử mà còn đang thực hiện cả công việc chứng minh cho cáo trạng của VKS. Quy định này đã không phát huy được vai trò của kiểm sát viên trong việc thực hiện chức năng buộc tội và không phát huy được vai trò của người bào chữa trong việc thực hiện chức năng bào chữa, không bảo đảm sự tranh tụng bình đẳng giữa các bên. Đồng thời, BLTTTHS năm 2003 cũng đang tồn tại nhiều quy định ảnh hưởng đến quyền bào chữa của bị can, bị cáo như quy định người bào chữa chỉ được hỏi người bị tạm giữ, bị can khi được điều tra viên đồng ý (khoản 2, Điều 58); chỉ chấp nhận là chứng cứ nếu tài

³ Xem: PGS.TS. Nguyễn Mạnh Kháng, Cải cách tư pháp và vấn đề tranh tụng, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 10/2003.

liệu, đồ vật được thu thập bởi các cơ quan tiến hành tố tụng, những tài liệu, đồ vật do chủ thể khác thu thập thì chưa được coi là chứng cứ (khoản 1, Điều 64) v.v.

3. Phương hướng hoàn thiện thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp

Yêu cầu cải cách tư pháp, hoàn thiện thủ tục TTHS nói chung và hoàn thiện thủ tục XXST nói riêng đã được đề ra trong nhiều Nghị quyết của Đảng. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị yêu cầu: “Nâng cao chất lượng công tố của kiểm sát viên tại phiên tòa, bảo đảm tranh tụng dân chủ với luật sư, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác... Việc phán quyết của tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền và lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định”. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị đặt vấn đề: “Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ, nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa án làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp”. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị tiếp tục nhấn mạnh: “Đổi mới việc tổ chức phiên tòa xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn và trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động hoạt động tư pháp”. Như vậy, các văn kiện quan trọng này đều nhấn mạnh đổi mới thủ tục XXST. Việc lựa chọn và xác định đổi

mới thủ tục XXST là khâu đột phá trong các hoạt động tố tụng được xem là sự lựa chọn hoàn toàn đúng đắn ở góc độ phương pháp luận⁴. Để đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp, cần hoàn thiện thủ tục XXST vụ án hình sự theo hướng:

- Thứ nhất, hoàn thiện thủ tục xét xử sơ thẩm để thể chế hoá chủ trương tăng cường tranh tụng

Vấn đề lựa chọn mô hình TTHS để áp dụng cho Việt Nam tuy không phải là vấn đề mới, song cho đến nay vẫn đang là đề tài có tính thời sự, được đưa ra bàn thảo ở nhiều diễn đàn khoa học, đặc biệt là từ khi Bộ Chính trị ban hành các Nghị quyết 08, 48, 49 với yêu cầu nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử. Xung quanh vấn đề này, hiện đang có hai quan điểm chính: *quan điểm thứ nhất cho rằng*, cần chuyển hẳn mô hình TTHS nước ta sang mô hình tố tụng tranh tụng, áp dụng triệt để nguyên tắc tranh tụng - đối kháng. tòa án chỉ đóng vai trò trọng tài, trung lập và ra bản án trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa. *Quan điểm thứ hai cho rằng*, trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay vẫn cần thiết giữ mô hình tố tụng thẩm vấn. Tuy nhiên, cần nghiên cứu để bổ sung những điểm tích cực của tố tụng tranh tụng, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Nhìn lại quá trình phát triển của hệ thống tư pháp hình sự ở các nước trên thế giới cho thấy, trong quá trình phát triển của mình, các hệ thống tố tụng đã có tác động lẫn nhau và đã có sự trao đổi, tiếp nhận một số yếu tố của nhau. Chẳng hạn, trong hệ tranh tụng cũng đã chấp nhận việc dùng công tố viên Nhà nước thực hiện việc truy tố thay cho Đại bồi thẩm đoàn, vai trò của thẩm phán đã được nâng lên trong một số lĩnh vực như hướng dẫn thương lượng, buộc tội hay xác định bồi thẩm đoàn được phép xem xét những vật chứng, nhân chứng nào. Còn trong

⁴ Xem: PGS.TS. Nguyễn Thái Phúc, Đổi mới phiên tòa sơ thẩm hình sự nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 2/2009.

hệ thẩm vấn, tranh luận trong phiên tòa xét xử đã dần dần có các tính chất của tranh tụng⁵. Tố tụng tranh tụng bên cạnh những ưu điểm như bảo đảm tính công khai, công bằng tại phiên tòa; bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo thì cũng mang trong nó những hạn chế như do thẩm phán chỉ giữ vai trò là trung lập, phán quyết về chứng cứ của các bên đưa ra nên việc con người bị phán xét như thế nào được quan tâm hơn việc xác định trong thực tế bị cáo đã thực hiện hành vi gì, đồng thời không thuận lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tội phạm... Để bảo đảm cho hệ tố tụng tranh tụng vận hành được, cần thiết phải có những tiền đề quan trọng như phải có đội ngũ cán bộ tư pháp và tương ứng là đội ngũ luật sư lớn về số lượng và mạnh về chất lượng, đòi hỏi có một hệ thống pháp luật tố tụng hoàn thiện, chặt chẽ và quan trọng nhất là Nhà nước phải có khả năng thực tế trong việc kiểm soát tình hình tội phạm. Còn với hệ tố tụng thẩm vấn, do giao trọn vẹn nhiệm vụ chứng minh về các cơ quan tiến hành tố tụng, áp dụng mạnh mẽ phương pháp điều tra, thẩm vấn trong toàn bộ quá trình từ điều tra, truy tố đến xét xử, thẩm phán cũng được quy định trực tiếp tham gia quá trình điều tra, thẩm vấn nên dễ có khả năng, có khuynh hướng thiên lệch, dễ ảnh hưởng đến tính công bằng trong tố tụng. Nhưng ưu điểm của hệ tố tụng này là kết quả tiến hành tố tụng không bị ảnh hưởng từ phía người bị hại và những người thân thích của họ... Việc áp dụng hệ tố tụng thẩm vấn trong suốt thời gian dài ở nước ta đã cho phép bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu bảo đảm dân chủ, bảo vệ quyền con người trong điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn và trình độ dân trí tương đối thấp và không đồng đều...

Với những phân tích về ưu điểm, hạn chế của hệ tố tụng thẩm vấn và tố tụng tranh tụng, những điều kiện để bảo đảm cho việc áp dụng thành công một mô hình tố tụng, căn cứ vào điều kiện cụ thể của nước ta hiện

nay đặc biệt là điều kiện nền kinh tế phát triển còn thấp, trình độ dân trí chưa cao, đội ngũ luật sư còn thiếu về số lượng và hạn chế trình độ nghề nghiệp, trong thời gian tới cần thiết tiếp tục duy trì mô hình tố tụng thẩm vấn, nhưng cần tiếp thu những hạt nhân hợp lý của tố tụng tranh tụng phù hợp với điều kiện của nước ta như: mở rộng quyền bào chữa và phạm vi tham gia của người bào chữa; tăng cường vai trò, trách nhiệm của kiểm sát viên trong thủ tục xét hỏi và tranh luận thông qua việc quy định trách nhiệm chứng minh cho sự buộc tội tại phiên tòa chỉ thuộc về VKS; tòa án giữ vai trò trung lập, điều chỉnh, dẫn dắt phiên tòa và ra bản án trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng dân chủ của các bên.

- Thứ hai, hoàn thiện thủ tục xét xử sơ thẩm theo hướng phân định rõ ràng, rành mạch các chức năng cơ bản của TTTHS, loại bỏ tình trạng mâu thuẫn về chức năng tố tụng

Liên quan đến việc phân định các chức năng của TTTHS, có ý kiến cho rằng, ở nước ta việc thiết kế BLTTTHS theo hướng phân định rành mạch giữa các chức năng cơ bản của TTTHS là không phù hợp, vì trong TTTHS nước ta, giữa các cơ quan tiến hành tố tụng ngoài quan hệ chế ước còn quan hệ phối hợp⁶. Cùng với ý kiến này, trong quá trình nghiên cứu, soạn thảo BLTTTHS để trình Quốc hội thông qua vào năm 2010, có ý kiến cho rằng BLTTTHS tương lai cần phải bổ sung một nguyên tắc: “Quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc giải quyết vụ án hình sự”.

Trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm thời gian qua, chúng ta đã có khuynh hướng coi trọng nhiệm vụ không bỏ lọt tội phạm, coi nhẹ yêu cầu không làm oan người vô tội, bảo vệ đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân. Đó là yêu cầu hết sức quan trọng của TTTHS. Một trong những

⁵ Xem: PGS.TS Nguyễn Mạnh Kháng, sdd.

⁶ Xem: PGS.TS. Trần Văn Độ, Hoàn thiện các quy định về giới hạn xét xử, Tạp chí tòa án nhân dân, số 3/2000.

biểu hiện của tư tưởng này là ở một số địa phương, giữa các cấp tố tụng, giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong một cấp có hiện tượng phối hợp, bàn bạc, trao đổi để đi đến thống nhất về đường lối xử lý đối với vụ án. Cách làm này đã có thể dẫn đến hệ quả hai mặt: mặt tích cực, cần thiết để đẩy nhanh tiến độ giải quyết vụ án và mặt tiêu cực, sự phối hợp biến thành việc “làm án” tập thể thì đó chính là đã đẩy bị can, bị cáo vốn ở thế yếu trong TTHS lại càng rơi vào tình thế bất lợi hơn, khó có cơ hội bảo vệ mình trước các cơ quan tố tụng.

Phân định rành mạch các chức năng cơ bản của TTHS không đi ngược lại với mục tiêu của TTHS, không cản trở các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thực thi các chức năng tố tụng của mình mà ngược lại việc phân định rành mạch các chức năng cơ bản của TTHS là điều kiện để các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tự đổi mới, nâng cao trình độ chuyên môn của mình, đồng thời là cơ chế quan trọng góp phần bảo vệ công lý, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Trên cơ sở đó, sửa đổi thủ tục XXST cần theo hướng phân định rành mạch, hợp lý và khoa học phạm vi, nội dung của từng chức năng cơ bản trong TTHS, xác định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của từng chủ thể thực hiện chức năng tố tụng, đưa các chủ thể tố tụng về đúng vị trí và thực hiện đúng chức năng TTHS của mình. tòa án trở về vai trò đích thực của mình là trọng tài trung lập, điều khiển, dẫn dắt phiên tòa, dẫn dắt việc tranh luận, bảo đảm sự tranh tụng giữa bên buộc tội và bên bào chữa. VKS sẽ phải hoạt động tố tụng tích cực để chứng minh cho quyết định truy tố của mình. Người bào chữa sẽ có cơ sở để

tranh tụng tích cực, bình đẳng, dân chủ với bên buộc tội. Tạo lập các cơ sở pháp lý để các chủ thể thực hiện chức năng tố tụng một cách độc lập; loại bỏ các quy định gây nhầm lẫn, chồng lấn chức năng tố tụng.

- Thứ ba, hoàn thiện thủ tục xét xử sơ thẩm phù hợp với yêu cầu bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền con người trong tố tụng hình sự

Quá trình để tòa án ra bản án tuyên một người là có tội và phải chịu hình phạt phải trải qua rất nhiều hoạt động tố tụng với nhiều biện pháp tố tụng được áp dụng. Những hoạt động tố tụng, những biện pháp tố tụng đó có thể ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của con người.

Mục tiêu quan trọng của TTHS là phát hiện và xử lý nghiêm minh các hành vi phạm tội để bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. Nhưng hoạt động tố tụng không cho phép thực hiện mục tiêu đó bằng mọi giá. Trong điều kiện hiện nay, mục tiêu không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, bảo vệ các quyền cơ bản của con người trong TTHS phải là những mục tiêu có giá trị ưu tiên như nhau, là kim chỉ nam cho việc thiết kế các quy định của pháp luật và thực tiễn hành động.

Tăng cường cơ sở pháp lý để bảo đảm quyền con người, bảo đảm quyền dân chủ là yêu cầu quan trọng trong điều kiện xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Hoàn thiện thủ tục XXST phải bảo đảm tạo lập các cơ sở pháp lý để bảo đảm quyền con người trong TTHS, mà trực tiếp nhất là quyền bào chữa của bị can, bị cáo phải được ghi nhận và phải được tạo điều kiện thực hiện trên thực tế.